| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN**<br>**TỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** |

Bản án số: 248/2024/HS- ST
Ngày 13-11-2024

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà*: Bà Bùi Thị Hương
*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Văn Chiến
Ông Nguyễn Quang Kim
***- Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Thu Hương- Thư ký Toà án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa***: Ông Đặng Đức Hùng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hình sự thụ lý số 238/2024/TLST- HS ngày 17 tháng 10 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 235/2024/QĐXXST- HS ngày 28 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo:

**Nguyễn Đức T,** sinh năm 2000; tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm B, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá:12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Công H và bà: Trần Thị N; vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo đầu thú bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/8/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam- Công an tỉnh B ( có mặt).

-*Bị hại*: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967; cư trú tại: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang ( có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Đức T, sinh năm 2000, trú tại xóm Bình Tiến, xã Bình Thành, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên sống lang thang tại thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Do không có tiền chi tiêu, T nảy sinh ý định đi

đến phường Q, thị xã V tìm ai để tài sản sơ hở thì trộm cắp. Từ ngày 21/7/2024 đến ngày 31/7/2024, T thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản tại nhà ở của gia đình bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967, ở tổ dân phố T, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang, cụ thể:

*Vụ thứ nhất*: Khoảng 01 giờ ngày 21/7/2024, T đi bộ một mình đến phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang, mục đích trộm cắp tài sản. Khoảng 02 giờ cùng ngày, T đi tới cổng nhà bà Nguyễn Thị L, thấy ngôi nhà đang xây dựng, không có cánh cửa nhà và cánh cổng, che bằng tấm bạt ni lon màu xanh, bên trong nhà tắt điện, xung quanh không có người. T vén bạt đi vào trong nhà bà L qua cửa ngách tìm tài sản trộm cắp. Khi đi vào phòng khách tầng một trong nhà, T nhìn thấy bà L đang ngủ trên giường xếp, đặt ở giữa phòng. T lén lút mở cánh tủ kệ để tivi bằng gỗ kiểm tra thấy có 01 túi xách bằng vải dù, màu tím, bên trong đựng tiền mặt, là tài sản của bà L cất trước đó. T dùng tay trái lấy túi xách đựng tiền rồi bỏ đi khỏi nhà bà L qua lối cửa ngách khi vào. T đi bộ ra đường gom Khu công nghiệp Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang dừng lại, mở chiếc túi xách ra kiểm đếm bên trong túi có số tiền 20.000.000 đồng, gồm 20 tập tiền, mỗi tập được buộc bằng dây nịt màu vàng, có mệnh giá khác nhau từ 10.000 đồng đến 500.000 đồng. T cất giấu số tiền trộm cắp vào túi quần bên phải đang mặc và vứt lại chiếc túi xách ở rìa đường và đi chi tiêu cá nhân hết số tiền trộm cắp được.

*Vụ thứ hai*: Sau khi chi tiêu hết số tiền đã trộm cắp, T nảy sinh ý đến nhà bà L trộm cắp tài sản. Khoảng 02 giờ ngày 27/7/2024, T đi bộ đến nhà bà L, thấy xung quanh không có ai và ngôi nhà đang xây dựng, che xung quanh bằng bạt. T lén lút đi vào trong nhà bà L qua lối cửa ngách. Khi đi vào phòng khách ở tầng một, T thấy bà L đang ngủ trên giường xếp ở giữa phòng, trên mặt bàn uống nước trong phòng bà L để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro loại 64GB màu trắng, lắp 01 sim nhà mạng Viettel. T dùng tay phải lấy điện thoại di động của bà L rồi bỏ đi khỏi nhà thông qua lối cửa ngách. Trên đường bỏ đi, T tháo chiếc sim trong điện thoại trộm cắp của bà L vứt đi. T đi bộ đến đoạn đường gom Khu công nghiệp Q, thuộc địa phận Phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang bán điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro loại 64GB trộm cắp của bà L cho người đàn ông không biết họ, tên, địa chỉ được 1.000.000 đồng. Khi bán điện thoại của bà L, T nói dối người mua là điện thoại của T. Số tiền bán điện thoại trộm cắp, T đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

*Vụ thứ ba*: Sau khi chi tiêu hết tiền bán điện thoại trộm cắp, thấy nhà bà L để tài sản sơ hở nên T đi đến nhà bà L trộm cắp tài sản. Khoảng 02 giờ ngày 31/7/2024, T đi bộ đến nhà bà L thấy ngôi nhà được quây bằng bạt, xung quanh không có người. T đi vào trong nhà, đi theo lối cầu thang lên tầng hai phát

hiện cửa phòng ngủ tầng hai không khoá. T đẩy cánh cửa đi vào trong phòng, thấy bà L đang ngủ trên giường, tại đầu giường để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max loại 64GB, màu trắng, lắp 01 sim nhà mạng Viettel, đang cắm sạc pin, là tài sản của bà L. T đi đến vị trí để chiếc điện thoại, lén lút rút dây sạc và lấy điện thoại cầm ở tay rồi bỏ đi khỏi nhà bà L theo lối đi ban đầu vào trộm cắp. Trên đường bỏ đi khỏi nhà bà L, T tháo sim trong điện thoại trộm cắp của bà L vứt đi. T đi đến Khu công nghiệp Q, thuộc địa phận Phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang bán điện thoại di động Iphone XS Max loại 64GB trộm cắp của bà L cho người đàn ông không biết họ, tên, địa chỉ được 1.000.000 đồng. Khi bán điện thoại của bà L, T nói dối người mua là điện thoại của T. Số tiền bán điện thoại trộm cắp, T sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 31/7/2024, bà Nguyễn Thị L đến Công an phường Q, thị xã V trình báo về việc bị kẻ gian vào nhà trộm cắp số tiền, điện thoại di động vào 03 ngày nêu trên.

Ngày 01/8/2024, Nguyễn Đức T đến Công an phường Q, thị xã V đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội. Cùng ngày, Công an phường Q cùng hồ sơ, tài liệu liên quan đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã V điều tra theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản số 121/KL-HĐĐGTS ngày 06/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã V kết luận: 01 chiếc túi xách bằng vải dù, màu tím trị giá 40.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro loại 64GB, màu trắng đã qua sử dụng trị giá 5.300.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max loại 64GB, màu trắng đã qua sử dụng trị giá 4.800.000 đồng; 02 phôi sim điện thoại Viettel trị giá 50.000 đồng; Tổng trị giá tài sản nêu trên là 10.190.000 đồng

Cơ quan điều tra tiến hành khám nghiệm hiện trường vụ trộm cắp tài sản tại nhà bà Nguyễn Thị L ở tổ dân phố T, phường Q, thị xã V. Khi khám nghiệm hiện trường cho bị cáo T tham dự, kết quả bị cáo T chỉ đúng các vị trí trộm cắp tài sản, phù hợp với lời khai của bị hại

Cáo trạng số 248/CT- VKS ngày 17 tháng 10 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội " *Trộm cắp tài sản* " theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra, bị cáo không có ý kiến gì về nội dung bản cáo trạng về tội danh Viện kiểm sát truy tố.

*Bị cáo T khai*: Bị cáo không có nghề nghiệp, sống lang thang, không có tài sản, không có tiền chi tiêu, lợi dụng sơ hở của bà L, bị cáo 03 lần vào nhà bà L trộm cắp tài sản, cụ thể:

-Lần 1 bị cáo trộm cắp 01 túi sách bên trong có số tiền 20.000.000 đồng.

-Lần 2 bị cáo trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro loại 64GB, bị cáo cáo bán cho người không quen biết được 1.000.000 đồng, số tiền này bị cáo chi tiêu cá nhân hết.

-Lần 3 bị cáo trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max loại 64GB, bị cáo cáo bán cho người không quen biết được 1.000.000 đồng, số tiền này bị cáo chi tiêu cá nhân hết. .

Bị cáo đồng ý với Kết luận định giá tài sản do Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã V định giá tài sản. Bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 30.190.000 đồng.

*Bà Nguyễn Thị L khai*: Bị cáo trộm cắp của bà 0 lần, cụ thể: lần 1 là 01 túi sách và 20.000.000 đồng, lần 2: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro loại 64GB; lần 3: 01 điện thoại di động nhãn hiệu I phone XS Max loại 64GB. Bà đồng ý kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã V. Nay bà yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền 30.190.000 đồng.

Kết thúc thẩm vấn, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên giữ quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa luận tội đối với bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố, sau khi đánh giá chứng cứ, đề nghị:

Áp dụng Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 01 năm 06 tháng tù đến 01 năm 08 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 01/8/2024.

*Về trách nhiệm dân sự*: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị L 30.190.000 đồng.

Áp dụng các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016 Quốc Hội khóa 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.509.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Việt Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không

có ý kiến hoặc không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi của bị cáo*: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, kết quả khám nghiệm hiện trường, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm và các chứng cứ khác, có đủ cơ sở kết luận:

Nguyễn Đức T không có việc làm, sống lang thang tại thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Trong các ngày 21/7/2024, 27/7/2024, 31/7/2024, T ba lần lén lút đột nhập vào trong nhà bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967, ở tổ dân phố T, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản của bà L, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 02 giờ ngày 21/7/2024, T mở ngăn tủ kệ để tivi bằng gỗ ở phòng khách tầng một trộm cắp của bà L 01 túi xách bằng vải dù, trị giá 40.000 đồng cùng số tiền 20.000.000đồng để trong túi.

Vụ thứ hai: Khoảng 02 giờ ngày 27/7/2024, T trộm cắp của bà L 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro loại 64GB, màu trắng, lắp 01 sim V có tổng trị giá 5.325.000 đồng để trên mặt bàn uống nước trong phòng khách tầng một.

Vụ thứ ba: Khoảng 02 giờ ngày 31/7/2024, T trộm cắp của bà L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, màu trắng, lắp 01 sim điện thoại Viettel có tổng trị giá 4.825.000 đồng để tại đầu giường trong phòng ngủ tầng hai.

Tổng trị giá tài sản Nguyễn Đức T trộm cắp của bà L trong ba vụ là 30.190.000 đồng. Số tiền trộm cắp, bán tài sản trộm cắp T chi tiêu cá nhân hết. Cơ quan điều tra không thu hồi được tài sản trộm cắp để trả lại bị hại.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Đức T có đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản.

Cáo trạng số 248/CT- VKS ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội "*Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bà Nguyễn Thị L được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa bàn khu công nghiệp. Do đó, cần xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự, xử phạt bị cáo một hình phạt nghiêm khắc, mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[3] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội

đầu thú nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[ 4] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo phạm tội 03 lần, áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự khi cân nhắc hình phạt.

[5] Sau khi xem xét hành vi, động cơ, tính chất, mức độ của hành vi phạm tội các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, 01 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không có nơi cư trú ổn định, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 38 của Bộ luật Hình sự buộc bị cáo cách ly khỏi xã hội một thời gian mới giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[6] *Xét về hình phạt bổ sung*: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Đối với hai người đàn ông mua hai chiếc điện thoại di động trộm cắp của Nguyễn Đức T; T khai không biết là ai, ở đâu nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh đề cập xử lý và không thu giữ được điện thoại để trả lại bị hại.

Đối với 02 sim điện thoại và túi xách của bà Nguyễn Thị L, T khai không nhớ vị trí vứt bỏ nên Cơ quan điều tra không thu hồi được để trả bị hại.

[8] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị cáo có hành vi trực tiếp gây thiệt hại cho bà Nguyễn Thị L. Nay bà L yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền 30.190.000 đồng, bị cáo đồng ý. Căn cứ kết luận định giá tài sản số 121/KL- HĐĐGTS ngày 06/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã V, áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho bà L số tiền 30.190.000 đồng.

[9] *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

[10] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

## QUYẾT ĐỊNH

**1.Về áp dụng điều luật, tội danh và hình phạt.**

Căn cứ Khoản 1 Điều 173, điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 01 ( một) năm 08 (

tám) tháng tù về tội trộm cắp tài sản thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/8/2024.

2. *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 30.190.000 đồng ( *Ba mươi triệu một trăm chín mươi nghìn đồng)*

3**.** *Về án phí:* Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.509.500. đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ các Điều 331; 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. *Về nghĩa vụ chậm thi hành án*: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế theo quy định tại điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TX Việt Yên;
- CCTHADS TX Việt Yên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Lưu HS.VP;
- Công an TX Việt Yên;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- UBND xã Bình Thành.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Hương**